

Bản án số: 983/2024/HC-PT
Ngày 10 tháng 9 năm 2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: MERGEFIELD Số_ thụ_ lý 529/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 202 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2538/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Huỳnh Quốc H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là “UBND”) huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Huỳnh Minh T; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Minh L1; Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng HĐND và U (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Mộng T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: A, khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày và yêu cầu như sau:**

Bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là “GCN.QSDĐ”) số BN 831079 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 31 tháng 5 năm 2013 đối với thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m² - đất trồng lúa, tại xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Lý do khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được cha chồng là ông Nguyễn Văn T3 cho một phần đất với diện tích 1.875m² thuộc một phần thửa 1096, tờ bản đồ số 07, loại đất lúa, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Bà L cùng chồng bà (ông L2) trực tiếp sử dụng từ năm 1990 cho đến nay nhưng chưa được cấp GCN.QSDĐ. Đến năm 2022, bà L xin được cấp GCN.QSDĐ thì được biết phần đất của bà đã được cấp GCN.QSDĐ cho ông Nguyễn Văn P. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông P chuyển trả lại phần đất trên cho bà nhưng ông P không đồng ý. Sau đó, bà làm đơn yêu cầu UBND xã T giải quyết về việc cấp GCN.QSDĐ sai chủ sử dụng nhưng không thành. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy GCN.QSDĐ nêu trên do UBND huyện C cấp cho ông P.

*** Tại văn bản số 6479/UBND-NC ngày 05 tháng 12 năm 2023 của người bị kiện UBND huyện C có nội dung như sau:**

Việc UBND huyện C cấp GCN.QSDĐ cho ông Nguyễn Văn P đối với thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại xã T, huyện C là đúng theo quy định pháp luật, căn cứ văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 24 tháng 4 năm 2013 về việc phân chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H1 để lại cho ông Nguyễn Văn P (đính kèm Công văn số 4862/CCTT-CN.VPĐKĐĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện).

Ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật. Sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, UBND huyện C sẽ tổ chức thực hiện.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Mộng T1 trình bày:** Ông P không đồng ý việc hủy GCN.QSDĐ số BN 831079 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 31 tháng 5 năm 2013 đối với thửa số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m², loại đất trồng lúa, tọa lạc

tại xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Lý do: Cha ông P là ông Nguyễn Văn H1 sinh năm 1957, chết ngày 21 tháng 02 năm 2013. Khi còn sống, cha ông P được UBND huyện C cấp GCN.QSDD số AP 799836, thửa số 1906, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An. Ngày 24 tháng 4 năm 2013, theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 000677 được công chứng tại Văn phòng C, ông P là người thừa kế và toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với thửa đất trên. Sau đó, ông P đã đi đăng ký và được cấp GCN.QSDD. Ông P đã canh tác từ đó đến nay không có ai tranh chấp.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Chí T2 có lời khai ngày 03 tháng 01 năm 2024 và trước Tòa như sau:** Ông là em ruột của ông Nguyễn Văn H1 và ông L2, ông hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với ông H1 và ông L2. Thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 07 trước đây là của cha ông Thắm là ông Nguyễn Văn T3 cho vợ chồng bà L canh tác từ năm 1990. Đến năm 2005, chồng bà L là ông Nguyễn Văn L3 (là anh ruột của ông T2) chết thì bà L giao đất cho ông T2 canh tác cho đến nay, cuối vụ ông T2 cho gạo lại cho bà L để nuôi các cháu. Hiện tại ông đang trồng lúa trên thửa đất 1096. Ông H1 và ông P hoàn toàn không có sử dụng thửa đất này, mà ông H1 được cha ông cho phần đất khác ở gần thửa đất 1096.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

*** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, quyết định:**

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 99, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L. Hủy GCN.QSDD số BN 831079 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 31 tháng 5 năm 2013 đối với thửa số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L được quyền đăng ký kê khai để được cấp GCN.QSDD theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 27 tháng 02 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm với lý do kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đầy đủ các tình tiết khách quan trong vụ án, không áp dụng đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, Luật Đất đai, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo đó, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo ông Nguyễn Văn P và người đại diện là bà Lê Thị Mộng T1, cùng trình bày:

Thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L, do: Bà L là người khởi kiện nhưng không có quyền khởi kiện, vì UBND huyện C cấp GCN.QSĐĐ số BN 831079 cho ông Nguyễn Văn P vào ngày 31 tháng 5 năm 2013 đối với thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m² - đất trồng lúa, tại xã T, huyện C, tỉnh Long An là hoàn toàn không liên quan và làm thiệt hại gì đến bà Nguyễn Thị Mỹ L. Bà L không phải là chủ sử dụng thửa đất số 1096, cũng không phải là người được thừa kế, tặng cho hay nhận chuyển nhượng QSĐĐ đối với thửa 1096. Trong khi ông P là người được đất thửa 1096 là từ sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cha ông P là ông Nguyễn Văn H1. Nguồn gốc thửa đất 1096 là của ông Nguyễn Văn T3 (ông nội của ông P) trực tiếp sử dụng và được cấp GCN.QSĐĐ số K 599168 ngày 19 tháng 5 năm 1997. Ngày 12 tháng 5 năm 2009, bằng “Hợp đồng tặng cho QSĐĐ” ký tại UBND xã T, ông T3 đã tặng cho ông H1 (cha ông P), sau đó ông H1 được đứng tên GCN.QSĐĐ số AP 799836 ngày 27 tháng 7 năm 2009 đối với thửa đất 1096. Ngày 21 tháng 02 năm 2013, ông H1 chết, ông P được những người thừa kế của ông H1 lập “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” ngày 24 tháng 4 năm 2013 và sau đó ông P được đứng tên GCN.QSĐĐ như nêu trên là hợp pháp. Bà L không canh tác thửa đất 1096 và cũng không có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn không có căn cứ; quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật nên cần được sửa theo yêu cầu thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông P nêu trên.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L cùng người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quốc H2 cùng trình bày: Đồng ý theo nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, không đồng ý theo yêu cầu thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông P tại phiên tòa phúc thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông P, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Người làm chứng ông Nguyễn Chí T2 trình bày: Bảo lưu lời trình bày như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày như nội dung án sơ thẩm đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì diện tích 1.875m² thuộc một phần thửa đất số 1906, tờ bản đồ số 07 được vợ chồng bà L canh tác từ năm 1990; đến năm 2005, chồng bà L mất thì giao diện tích trên cho ông T2 canh tác từ đó đến nay. Như vậy, diện tích 1.875m² thuộc một phần thửa đất 1906 trên thực tế đang có đối tượng khác canh tác, sử dụng mà không phải là ông P, nên khi UBND huyện C cấp GCN.QSDĐ phải tiến hành xác minh, đo đạc trên thực địa. Do đó, việc UBND không tiến hành đo đạc, xác minh dẫn đến xác định đối tượng sử dụng đất chưa phù hợp là vi phạm quy định Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị định hướng dẫn có hiệu lực tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Áp dụng quy định Luật Đất đai năm 2003, năm 2013 thì GCN.QSDĐ số BN 831079 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn P thuộc trường hợp phải thu hồi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L hủy giấy chứng nhận trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, bà Lê c yêu cầu “*hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 831079 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 31/5/2013*”, không yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại quyết định “*Bà Nguyễn Thị Mỹ L được quyền đăng ký kê khai để được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật*” là vượt quá thẩm quyền của Hội đồng xét xử. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P; sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm, chỉ tuyên hủy GCN.QSDĐ theo yêu cầu khởi kiện của bà L, việc kê khai đăng ký do các đương sự tự thương lượng giải quyết; nếu không có kết quả thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2023, bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

“Nguyên tôi được cha chồng là ông Nguyễn Văn T3 có cho tôi một phần đất với diện tích 1.875m² thuộc một phần thửa 1096, tờ bản đồ số 07, loại đất lúa, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Vợ chồng tôi trực tiếp sử dụng từ năm 1990 cho đến nay nhưng chưa được cấp GCN.QSDĐ.

Đến năm 2022 tôi xin được cấp GCN.QSDĐ thì tôi được biết phần đất của tôi đã được cấp GCN.QSDĐ cho ông Nguyễn Văn P.

Tôi đã nhiều lần yêu cầu ông P chuyển trả lại phần đất trên cho tôi nhưng

ông P không đồng ý.

...

*** Yêu cầu khởi kiện:**

Vậy nay tôi làm đơn này gửi quý Tòa án giải quyết cho tôi là:

- Hủy GCN.QSDD tại thửa số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.875m², loại đất lúa do ông Nguyễn Văn P đứng tên GCN.QSDD, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An”.

Như vậy, đây là trường hợp đơn khởi kiện thể hiện nội dung yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, nhưng người khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án hủy GCN.QSDD đã cấp, nên xem đây là “Quyền quyết định và tự định đoạt của người khởi kiện” theo quy định tại Điều 8 Luật Tố tụng hành chính. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính là đúng quy định.

[2] Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 22 tháng 02 năm 2024. Đến ngày 27 tháng 02 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo, nên kháng cáo của ông P là hợp lệ được xem xét giải quyết tại cấp phúc thẩm theo Điều 206 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Tòa sơ thẩm xác định là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Người đại diện của người bị kiện ông Huỳnh Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

- Về nội dung:

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, xét:

[1] Về hình thức và thẩm quyền cấp GCN.QSDD:

UBND huyện C cấp GCN.QSDD số BN 831079 cho ông Nguyễn Văn P đối với thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m² - đất lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C dựa trên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 24 tháng 4 năm 2013 của ông Nguyễn Văn H1 để lại cho ông Nguyễn Văn P là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Tuy nhiên, khi thực hiện việc cấp GCN.QSDD cho ông Nguyễn Văn P đã không thực hiện kiểm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình, hiện trạng, vị trí sử dụng đất là sai sót.

[2] Về nội dung:

- Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện, thửa 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m² - đất lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C trước đây là của ông Nguyễn Văn T3. Năm 1990, ông T3 cho vợ chồng bà L canh tác. Năm 2005, chồng bà L là ông Nguyễn Văn

L3 (anh ruột của ông Nguyễn Chí T2) chết thì bà L giao đất cho ông T2 canh tác cho đến nay. Hiện tại, ông T2 đang trồng lúa trên thửa đất 1096. Nội dung này được thể hiện qua biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 01 năm 2024 đối với người làm chứng là ông Nguyễn Chí T2 cũng như lời khai của bà L, ông T2 trước Tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Ông H1 (cha của ông P) và ông P hoàn toàn không sử dụng thửa đất trên.

- Bên cạnh đó, theo đơn khởi kiện, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà L và đại diện của bà L là ông H2 đều thừa nhận nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Văn T3 cho vợ chồng bà L một phần thửa 1096 diện tích 1.875m², loại đất lúa vào năm 1990; bà L và ông L3 (chồng bà L) canh tác đến năm 2005 thì ông L3 chết nên bà L giao một phần thửa đất 1096 diện tích 1.875m², loại đất lúa cho ông T2 canh tác đến nay (ông T2 thừa nhận lời trình bày của bà L là đúng). Ông Nguyễn Văn P và người đại diện là bà T1 thì cho rằng thửa đất 1096 là của ông Nguyễn Văn T3 cho cha của ông P là ông Nguyễn Văn H1 từ năm 2009; ông H1 quản lý, sử dụng đến năm 2013 ông H1 chết; đến ngày 24 tháng 4 năm 2013 thì ông P được các thừa kế của ông H1 đồng ý để lại cho ông P theo “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản*” và ông P đứng tên GCN.QSĐĐ như nêu trên. Ông Nguyễn Chí T2 thì cho rằng ông Nguyễn Văn H1 (anh của ông T2) có thửa đất khác gần thửa đất 1096.

Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất 1096 có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn T3 cho ông Nguyễn Văn H1 (cha ông P) và ông Nguyễn Văn L3 (chồng bà L); theo bà L thì ông T3 cho vợ chồng bà một phần thửa 1096 với diện tích 1.875m², loại đất lúa; có cơ sở xác định UBND huyện C cấp GCN.QSĐĐ số BN 831079 ngày 31 tháng 5 năm 2013 cho ông Nguyễn Văn P đối với thửa đất số 1096, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã T, huyện C là không đúng đối tượng sử dụng đất, là trái với quy định tại Điều 99, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L là có căn cứ chấp nhận. Tòa sơ thẩm tuyên: Hủy GCN.QSĐĐ số BN 831079 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 31 tháng 5 năm 2013 đối với thửa số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An là có căn cứ, đúng quy định do trong thửa đất 1096 có một phần diện tích 1.875m², loại đất lúa là của ông T3 cho vợ chồng bà L, ông L3 từ năm 1990.

Song, việc Tòa sơ thẩm tuyên: “*Bà Nguyễn Thị Mỹ L được quyền đăng ký kê khai để được cấp GCN.QSĐĐ theo quy định của pháp luật*” là đã vượt quá yêu cầu khởi kiện của bà L và không thể kê khai đăng ký được do phần diện tích 1.875m², loại đất lúa của bà L trong thửa 1096 hiện chưa xác định được nằm ở vị trí nào nên việc bà L muốn kê khai đăng ký để được cấp GCN.QSĐĐ thì phải có thỏa thuận với ông P; nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để xác định vị trí phần đất của bà L, ông L3 được ông T3 cho nằm ở vị trí nào. Do đó, Hội đồng xét xử sửa phần này của án sơ thẩm; chỉ tuyên: “*Hủy GCN.QSĐĐ số BN 831079 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 31 tháng 5 năm 2013 đối với thửa số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An*”.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn P; sửa một phần án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn P không phải nộp án phí phúc thẩm, hoàn trả lại ông Nguyễn Văn P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000212 ngày 15 tháng 03 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[4] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 225, khoản 2 Điều 241, Điều 349 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 99, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P, sửa một phần án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Hủy GCN.QSĐĐ số BN 831079 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 31 tháng 5 năm 2013 đối với thửa số 1096, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.265m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P không phải nộp án phí phúc thẩm, hoàn trả lại ông Nguyễn Văn P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000212 ngày 15 tháng 03 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu VT (5), HS (2), 25b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu

